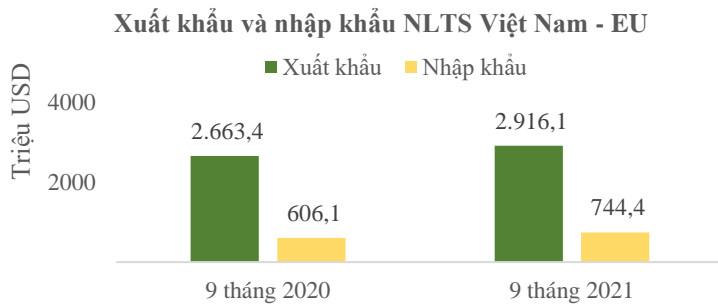


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



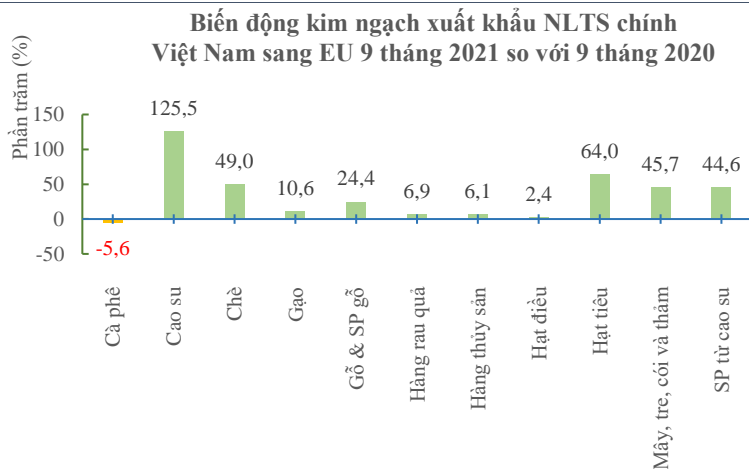
### TÌNH HÌNH CHUNG



#### So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

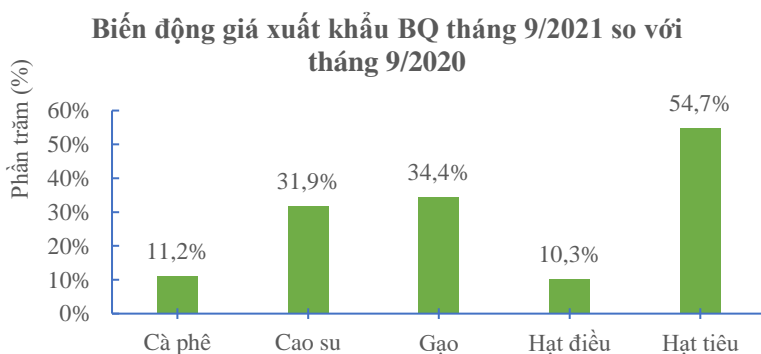
(9 Tháng 2020 và 9 Tháng 2021)

Xuất khẩu ▲ 9,5%  
Nhập khẩu ▲ 22,8%



#### So sánh 9T/2021 với 9T/2020

Cà phê ▼ 5,6%  
Cao su ▲ 125,5%  
Chè ▲ 49,0%  
Gạo ▲ 10,6%  
Gỗ và SP Gỗ ▲ 24,4%  
Rau quả ▲ 6,9%  
Thủy sản ▲ 6,1%  
Hạt điều ▲ 2,4%  
Hạt tiêu ▲ 64,0%  
Mây tre đan ▲ 45,7%  
SP từ cao su ▲ 44,6%



#### So sánh giá xuất khẩu tháng 9/2021 với tháng 9/2020

Cà phê ▲ 11,2%  
Cao su ▲ 31,9%  
Gạo ▲ 34,4%  
Hạt điều ▲ 10,3%  
Hạt tiêu ▲ 54,7%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), lạm phát tại các nước khu vực đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone) tháng 9/2021 đã đạt 3,6%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với tháng 8/2021. Lạm phát trong tháng 9/2021 đã vượt mục tiêu của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) trong tháng thứ hai liên tiếp. Cho đến nay, ECB vẫn ước tính lạm phát ở Eurozone sẽ là 2,2% trong cả năm, mặc dù đã thừa nhận vào cuối tháng 9/2021 về khả năng lạm phát có thể còn cao hơn. Trong năm tới, ECB dự kiến lạm phát sẽ trở lại dưới 2%.

Nguyên nhân chính của lạm phát chủ yếu là do giá năng lượng tăng lên bởi nhu cầu cao trong khi nguồn cung thiếu hụt vì tác động của thiên tai cũng như sự trì hoãn nâng cấp cơ sở hạ tầng gây ra bởi đại dịch Covid-19. Giá năng lượng tăng đã tác động lên mức giá của tất cả các mặt hàng khác, khiến giá tiêu dùng tại các quốc gia thành viên tăng trong khoảng 0,7% đến 6,4%.

Đối phó với tình trạng giá năng lượng tăng, hầu hết các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU) đều đã lên kế hoạch dự phòng để bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm giảm thuế năng lượng và trợ cấp cho các hộ gia đình nghèo. Ví dụ như: (i) Pháp đã quyết định đóng băng giá khí đốt cho đến cuối năm 2022, trong khi đợt tăng giá điện tiếp theo vào tháng 2 sẽ được giới hạn ở mức 4% bằng cách cắt giảm thuế. Pháp còn hỗ trợ 100 euro cho 6 triệu hộ gia đình có mức thu nhập trước thuế dưới 2.000 euro để thanh toán hóa đơn tiền điện vào tháng 12/2021; (ii) Bỉ đã quyết định gia hạn thời gian áp dụng biểu giá năng lượng xã hội cho các hộ gia đình nghèo cho đến tháng 3/2022. Biện pháp này đi kèm với một tấm séc năng lượng trị giá 80 euro sẽ được gửi vào mùa Thu cho 1 triệu gia đình; (iii) Đức cắt giảm gần 50% thuế đối với năng lượng tái tạo, một loại thuế liên quan đến tất cả người tiêu dùng; (iv) Ba Lan đã chi ngân sách tối đa 1,1 tỷ euro cho năm 2022 để hỗ trợ những người về hưu và các gia đình đông con nói riêng ứng phó với tình trạng giá năng lượng tăng; (v) tại Latvia, kể từ tháng 11/2021 cho đến ít nhất là cuối năm 2022, khoảng 150.000 hộ gia đình thuộc nhóm nghèo nhất, những hộ có người khuyết tật và các gia đình đông con, sẽ nhận được từ 15 đến 20 euro mỗi tháng để thanh toán tiền điện hoặc khí đốt; (vi) Estonia sẽ huy động khoảng 75 triệu euro để giảm hóa đơn tiền điện cho tất cả người tiêu dùng và 20 triệu để giúp đỡ khoảng 72.000 gia đình thuộc nhóm nghèo nhất, từ tháng 9/2021 đến tháng 3/2022; (vii) Séc bãi bỏ thuế VAT đối với điện và khí đốt trong tháng 11 và 12/2021, đồng thời đã thông qua dự luật hủy bỏ thuế này vào năm 2022.

Tuy nhiên, để thực hiện biện pháp trên thì Séc vẫn cần sự cho phép của EU; (viii) từ tháng 9/2021, Italy đã công bố ngân sách 3 tỷ euro để cố gắng giảm tác động của việc tăng giá đối với sức mua của người Italy. Khoảng 2,6 triệu người đã được hưởng lợi từ "tiền thưởng xã hội" và sẽ không bị ảnh hưởng bởi giá xăng tăng. Đối với những loại khác, thuế VAT sẽ giảm xuống còn 5%.

Dự gia tăng của các ca nhiễm mới ở khu vực Đông Âu, đặc biệt là các nước vùng Baltic, đang khiến hệ thống y tế nơi đây chịu áp lực ngày càng lớn, buộc chính phủ những nước này lại phải đưa ra các biện pháp hạn chế về phòng dịch. Theo thống kê của Reuters đến ngày 24-10, số ca mắc Covid-19 tại khu vực Đông Âu đã gần chạm ngưỡng 20 triệu với trung bình hơn 83.000 ca mỗi ngày. Thực tế, đây là cũng là khu vực có tỷ lệ tiêm chủng thấp nhất Châu Âu với chưa đến 50% người dân đã tiêm hết một liều. Ví dụ như: Hungary có tỉ lệ tiêm ngừa cao nhất (59%), trong khi Ukraine chỉ mới tiêm được cho 16% người dân. Bulgaria chỉ mới tiêm được cho 20% dân số và Romania cũng mới khoảng 30%... Ngoài các vấn đề liên quan tiêm chủng, Châu Âu cũng đang lo lắng với biến thể mới của chủng Delta, AY.4.2 - còn gọi là "Delta Plus" với khả năng lây nhiễm mạnh hơn.

EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam (sau thị trường Hoa Kỳ). Trong bối cảnh dịch Covid-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế thương mại toàn cầu, với Hiệp định EVFTA, EU đã tạo cơ hội lớn cho doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa nói chung và nông sản nói riêng vào thị trường này. Tuy nhiên, đây là một thị trường khó tính, do đó nông sản Việt Nam cần khắc phục hơn nữa các hạn chế về chất lượng, cũng như mẫu mã bao bì. Trong tháng 10/2021, một số sản phẩm gạo, mướp đắng, thủy sản có mức dư lượng hóa chất nông nghiệp vượt quá mức quy định của EU. Trước đó, EU cũng đã đưa ra cảnh cáo với sản phẩm đùi ếch đông lạnh, bưởi...

Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam, trong 9 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 2,9 tỷ USD sang EU, trong khi nhập khẩu hơn 0,7 tỷ USD, tăng 9,5% về xuất khẩu và 22,8% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2020; các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cả phê có xu hướng giảm 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, cao su, chè, gạo, gỗ & sản phẩm gỗ, hàng rau quả, hàng thủy sản, hạt điều, hạt tiêu, mây, tre, cói và thảm, và sản phẩm từ cao su tăng với tốc độ lần lượt là: 125,5%, 49,0%, 10,6%, 24,4%, 6,9%, 6,1%, 2,4%, 64,0%, 45,7% và 44,6%.

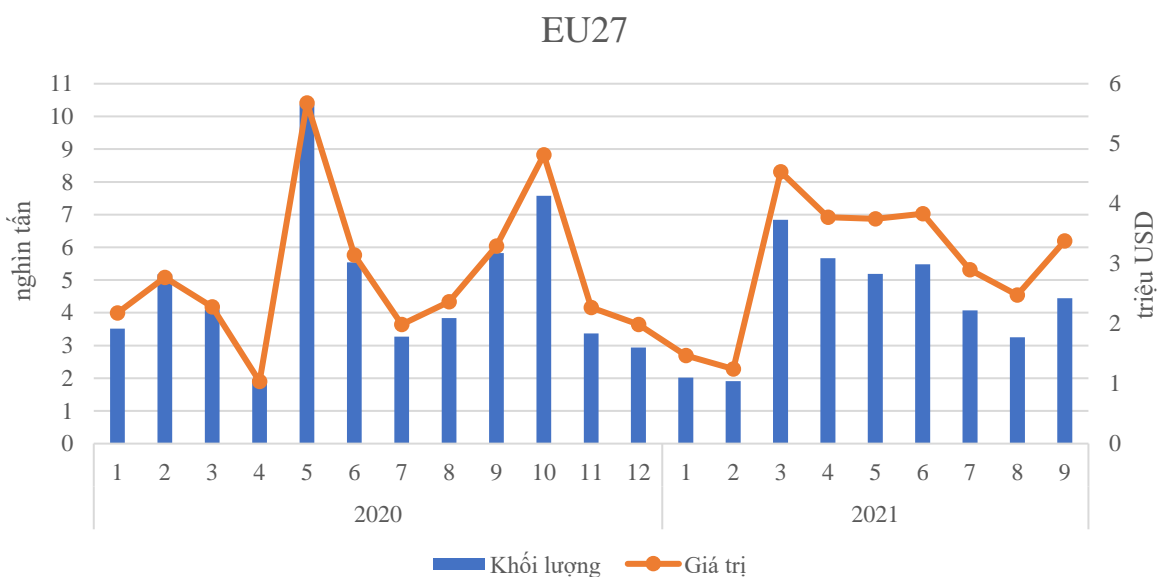
# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 10/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2020/21 của EU ước tính đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 4,4 nghìn tấn gạo, trị giá 3,4 triệu USD sang thị trường EU, tăng 36,8% về khối lượng và 36,3% về giá trị so với tháng trước; giảm 23,7% về khối lượng nhưng tăng 2,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 38,9 nghìn tấn, trị giá 27,4 triệu USD, giảm 10,8% về khối lượng nhưng tăng 10,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

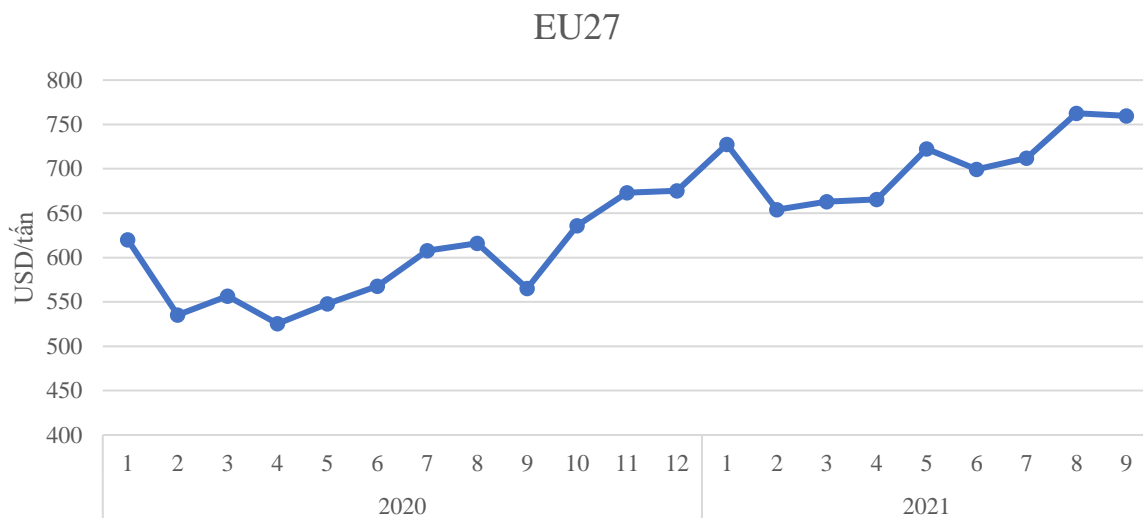
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 9/2021 đạt 759,6 USD/tấn, giảm 0,4% so với tháng trước nhưng tăng 34,4% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU**

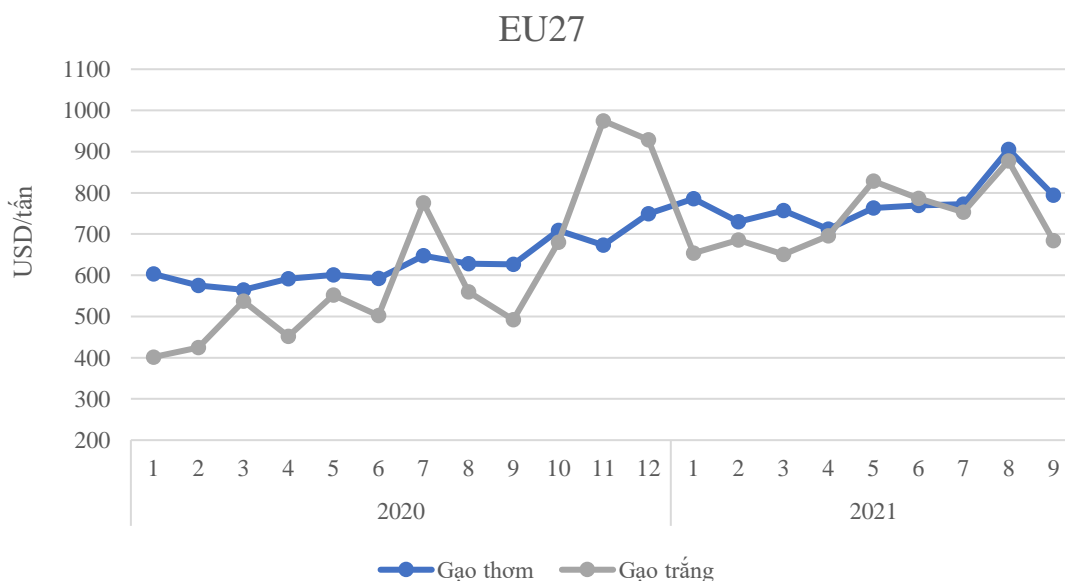


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 3,6 nghìn tấn, trị giá 2,7 triệu USD (chiếm 80,0% về khối lượng và 80,5% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã giảm 10,8% về khối lượng và nhưng tăng 17,5% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 9/2021 đạt trung bình 823,5 USD/tấn, giảm 11,2% so với tháng trước, nhưng tăng 28,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 684,1 USD/tấn, giảm 22,1% so với tháng trước nhưng tăng 39,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU**



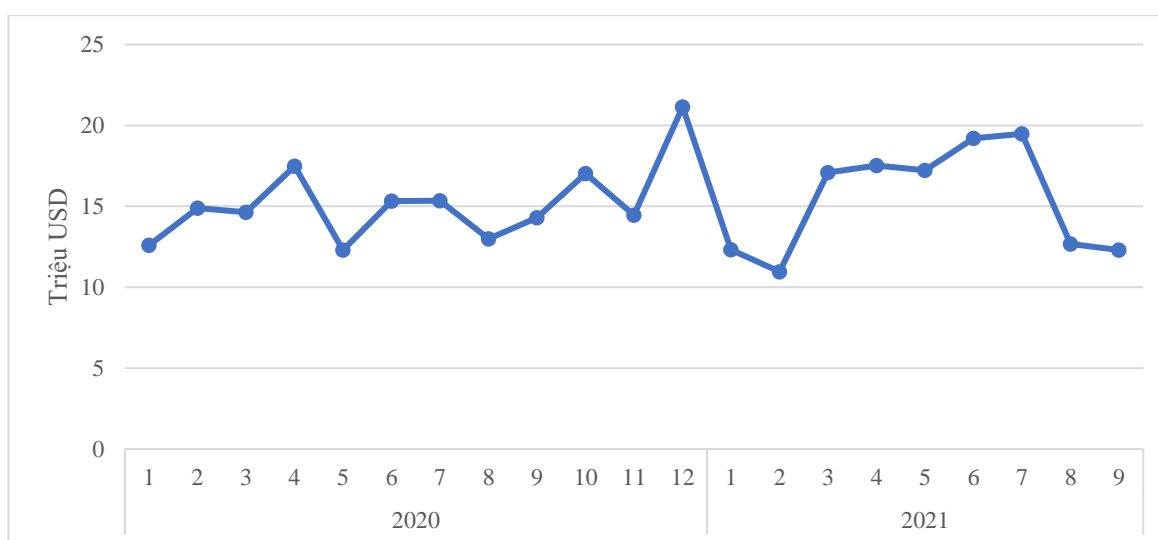
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Hoàng Minh Nhật và Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An. Ba công ty này lần lượt chiếm 34,4%, 16,5% và 8,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 9/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này tăng lần lượt 1,5 lần, 12,2 lần và 14,1 lần.

## 2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 9 năm 2021 đạt 12,3 triệu USD, chiếm 5,3% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 3,0% so với tháng trước và giảm 14,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 138,8 triệu USD, chiếm 5,0% thị phần và tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU**



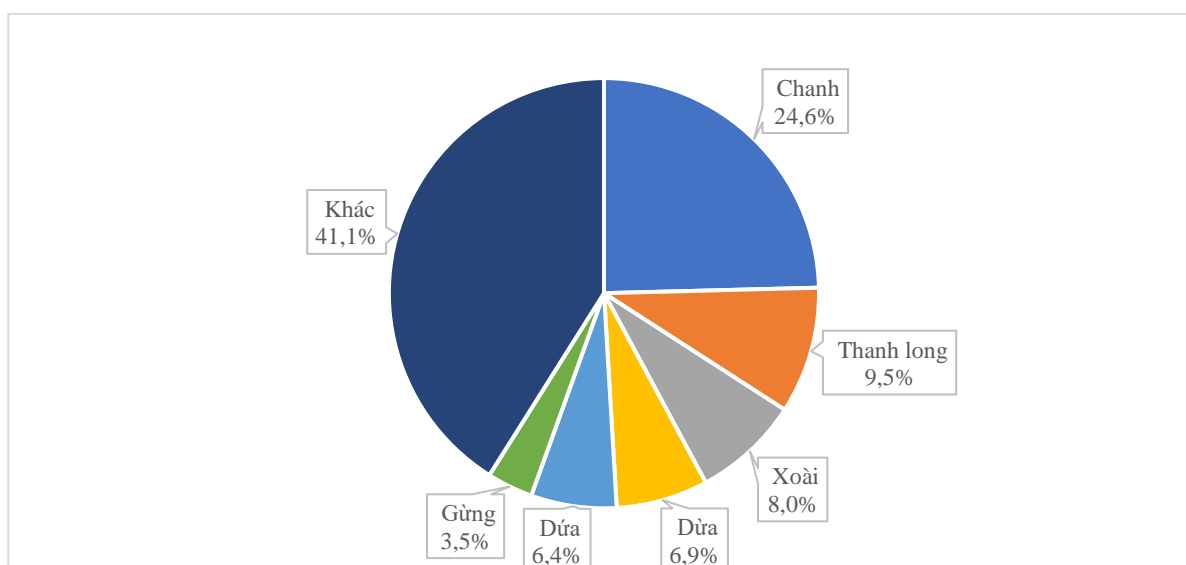
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 9 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 10,6 triệu USD, chiếm 86,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh,...) chiếm tới 58,5% (so cùng kỳ 2020 là 50,2%), trái cây chế biến chiếm 27,6% (cùng kỳ 2020 là 35,5%). Mặt hàng rau đạt 1,7 triệu USD (chiếm 13,8%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 11,4% (năm 2020 là 12,4%), rau chế biến chiếm 2,4% (năm 2020 là 1,9%).



Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 9/2021 bao gồm: chanh đạt 3,0 triệu USD (chiếm 24,6% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 43,6% so với cùng kỳ năm 2020; thanh long đạt 1,2 triệu USD (chiếm 9,5%), tăng 79,4%; xoài đạt 987,8 nghìn USD (chiếm 8,0%), tăng 466,9%; dứa đạt 848,4 nghìn USD (chiếm 6,9%), tăng 50,2%; v.v.

**Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, rau quả chế biến đạt 3,7 triệu USD (chiếm 30,1% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 30,8% so với cùng kỳ 2020. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 46,3% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, tăng 150,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 45,2%, giảm 61,8%; v.v.

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 9 năm 2021 đạt 2,0 triệu USD, chiếm 1,6% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 23,1 triệu USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 9/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: khoai tây đạt 903,6 nghìn USD (chiếm 44,2% thị phần), tăng 85,3% so với cùng kỳ năm 2020; tỏi đạt 439,2 nghìn USD (chiếm 21,5%), giảm 4,3%; v.v.

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ và Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 16,4%; 8,6% và 5,0%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa

II tăng 38,7%, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 25,0% và Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát tăng 17,4%.

### 3. CÀ PHÊ

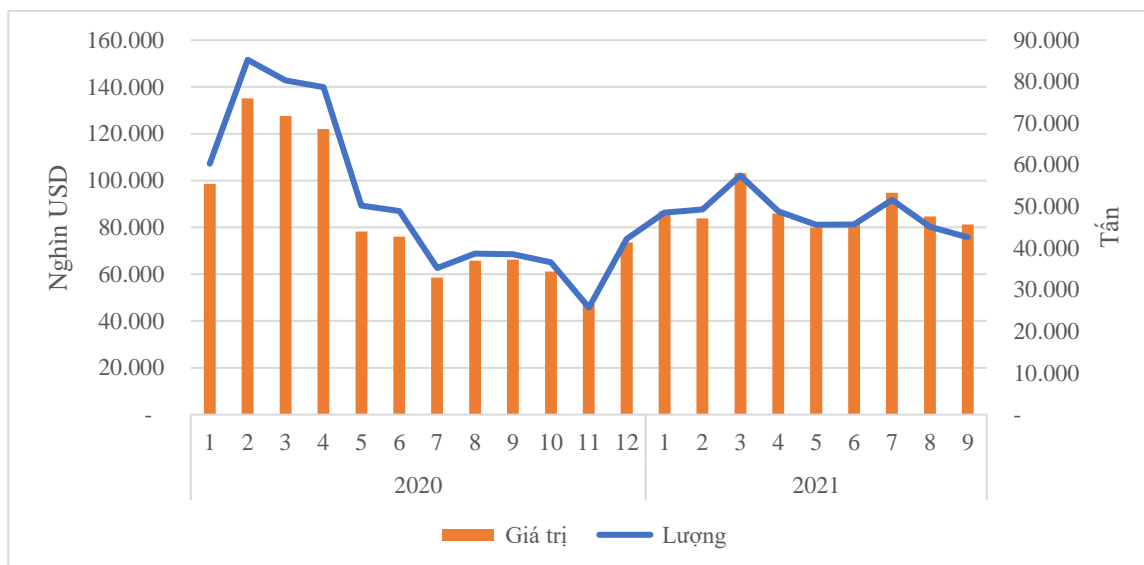
Báo cáo “Dự báo thị trường máy pha cà phê đến năm 2028 cho thấy thị trường máy pha cà phê được định giá 15.340,33 tỷ USD vào năm 2020, dự kiến đạt 20.596,79 tỷ USD vào năm 2028; dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ là 4,3% từ năm 2021 đến năm 2028. Năm 2020, Châu Âu chiếm thị phần lớn nhất trong 5 khu vực tiêu thụ chính là Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương (APAC), Trung Đông & Châu Phi (MEA), và Nam và Trung Mỹ (SAM). Trong khi nhu cầu về máy pha cà phê phi dân dụng đáng kể, nhu cầu về máy pha cà phê tại nhà đã tăng, chủ yếu do việc đóng cửa hầu hết các quán cà phê cũng như việc các doanh nghiệp chuyển sang làm việc tại nhà. Điều này cũng làm tăng nhu cầu về cà phê đặc biệt hoặc thức uống giống cà phê có thể được pha chế tại nhà.

Tại Đức, nhu cầu cà phê pha ngày càng tăng do người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng cà phê đặc sản và cà phê vỏ mới xay. Đồng thời, số lượng các cửa hàng cà phê cũng như tiêu thụ cà phê trong văn phòng và pha chế trong nhà cũng có xu hướng đi lên. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, nhập khẩu cà phê của Đức trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 724,85 nghìn tấn, trị giá 2,25 triệu USD, giảm 2,1% về lượng, nhưng tăng 6,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Về chủng loại, trong 7 tháng đầu năm 2021, Đức giảm nhập khẩu hầu hết các chủng loại cà phê, ngoại trừ cà phê đã khử caffeine (không bao gồm rang HS 090112) với mức tăng 10,1% về lượng và tăng 3,8% về trị giá, nhưng lượng nhập khẩu chỉ ở mức thấp là 893 nghìn tấn, trị giá 11,51 triệu USD.

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu. Trong tháng 9/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU đạt 42,62 nghìn tấn, trị giá 81,23 triệu USD, giảm 5,56% về lượng và giảm 3,97% về giá trị so với tháng trước; đồng thời tăng 10,51% về lượng và tăng 22,87% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.



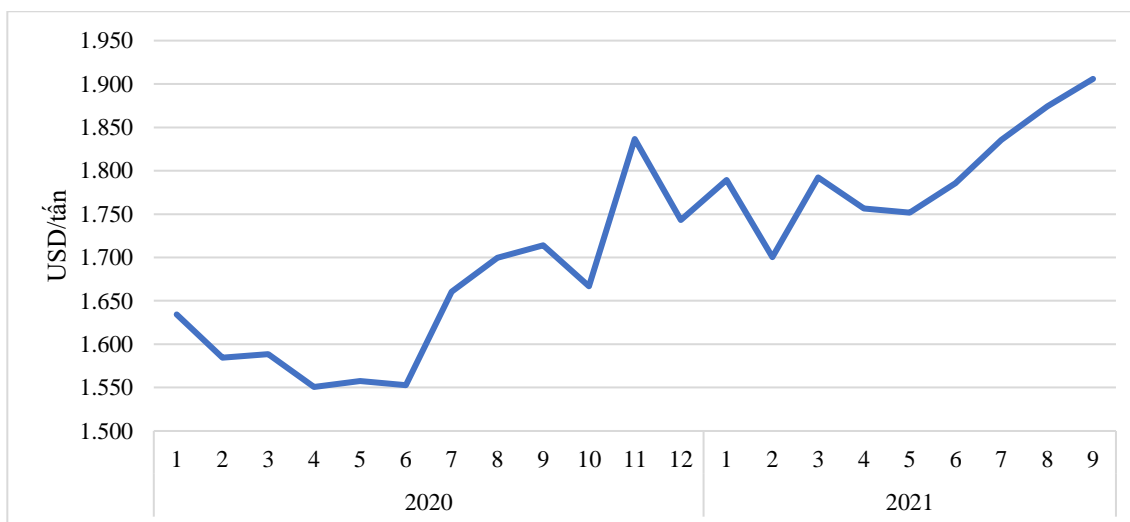
**Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cà phê Robusta tại London trong tháng 9/2021 tăng do tình trạng thiếu container và chi phí vận tải tăng cao, cùng với việc lo ngại nguồn cung giảm do Brazil giảm sản lượng. Giá xuất khẩu tháng 9 thị trường EU là 1.905 USD/tấn, tăng 1,69% so với tháng trước và tăng 11,19% so với cùng kỳ.

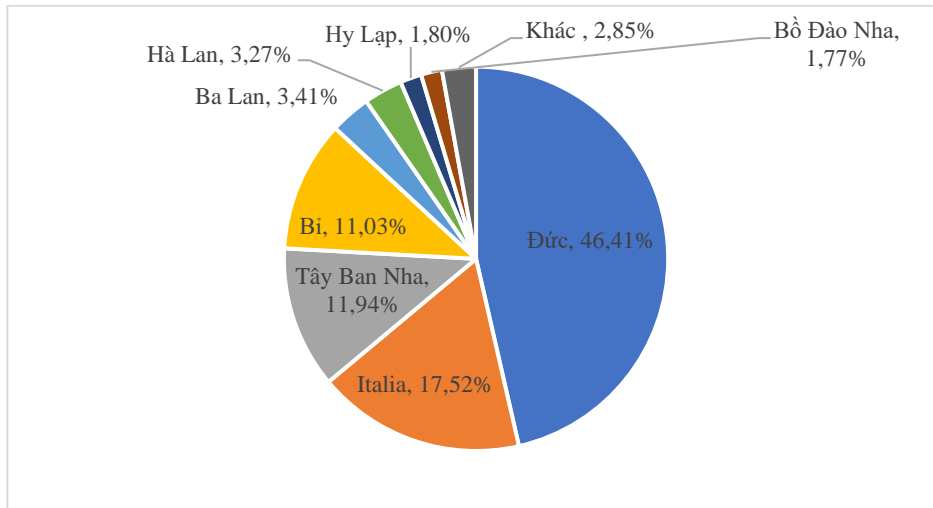
**Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Các thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại EU trong tháng 7/2021 lần lượt là Đức chiếm tỷ trọng 44,75 %, Italia chiếm 24,15%, Bỉ chiếm 12,68%, Tây Ban Nha chiếm 9,1%.

**Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU**



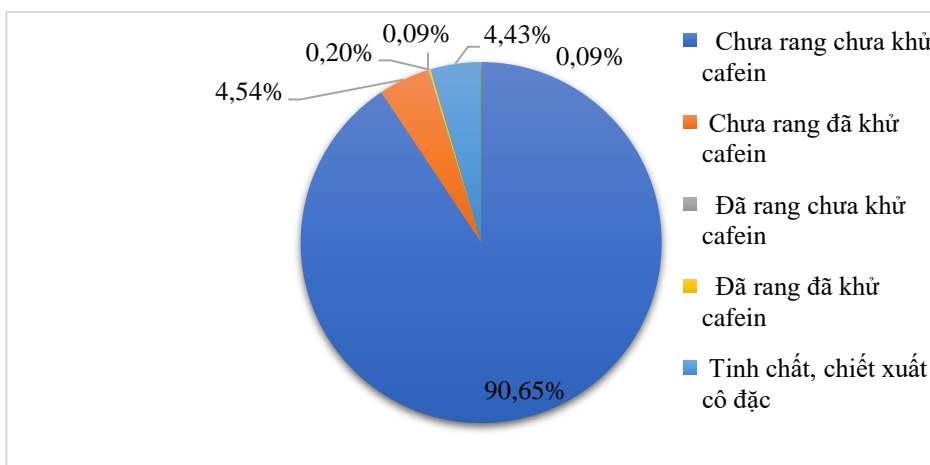
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

So với tháng trước, một số thị trường có kim ngạch tăng, cao nhất là Rumani (64%), Pháp (41%), Bỉ (tăng 32%)... trong khi đó một số thị trường có kim ngạch giảm là: Đan Mạch (giảm 47%), Bồ Đào Nha (giảm 45%), Italia (giảm 33%), Tây Ban Nha (giảm 36%)...

Về cơ cấu sản phẩm, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cà phê nhân, chiếm 95,48%, cà phê hòa tan chế biến, tinh chất chiếm 4,52%, trong khi cùng kỳ năm 2020 tỷ trọng này lần lượt là 91,54% và 4,52%, cụ thể:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 73,64 triệu USD, chiếm tỷ trọng 90,65%, tăng 23,65% so với cùng kỳ. Xuất khẩu cà phê chưa rang, đã khử caffein đạt 3,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,54%, tăng 343% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 3,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,43%, giảm 35 % so với cùng kỳ.

**Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU**



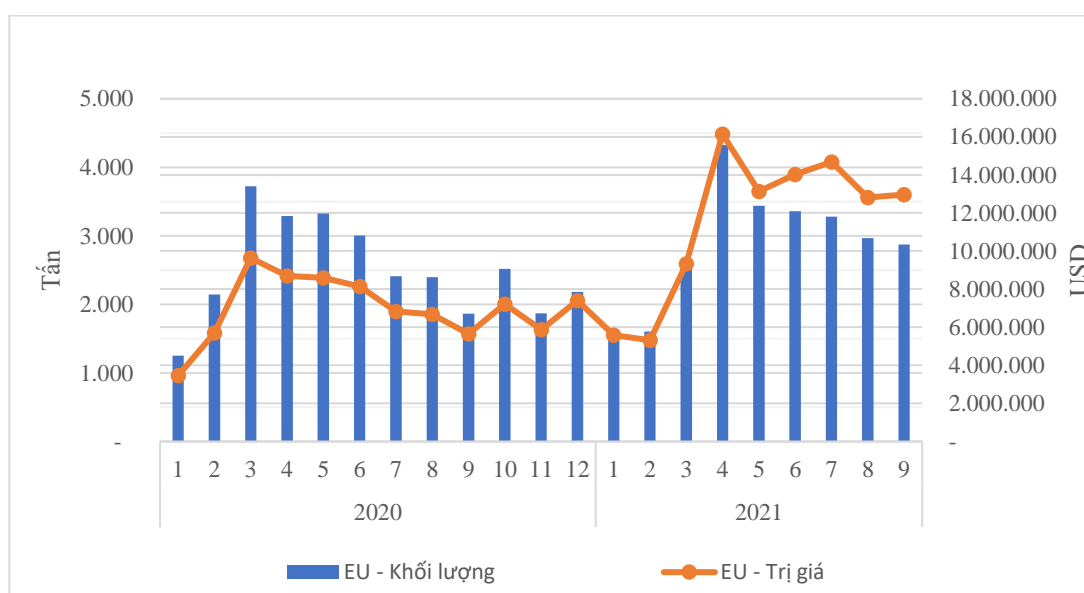
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty TNHH VOLCAFE Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại và Chế biến Louis Dreyfus Company Việt Nam với thị phần lần lượt là: 11,13%; 8,54% và 8,41%.

#### 4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU đang có dấu hiệu tăng trưởng trở lại. Trong tháng 9/2021, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam sang thị trường này đạt 2.874 tấn hồ tiêu với trị giá 12,9 triệu USD, giảm 3,10% về khối lượng và tăng 1,13% về giá trị so với tháng 8/2021, tăng 54,02% về khối lượng và tăng 129,47% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

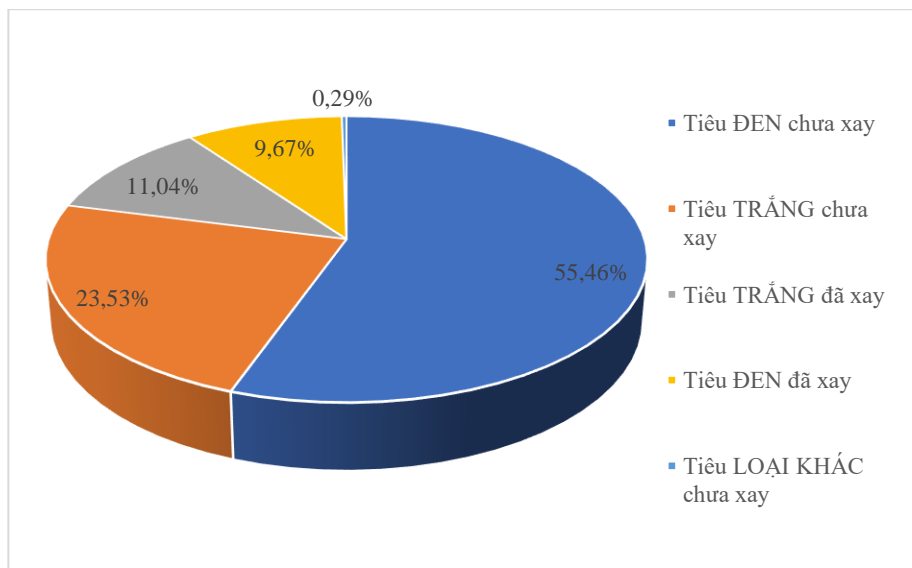
**Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 55,46% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, giảm 5,31% so với tháng trước và tăng 1,04% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 23,53% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, tăng 4,98% so với tháng trước và giảm 3,35% so với cùng kỳ năm trước.

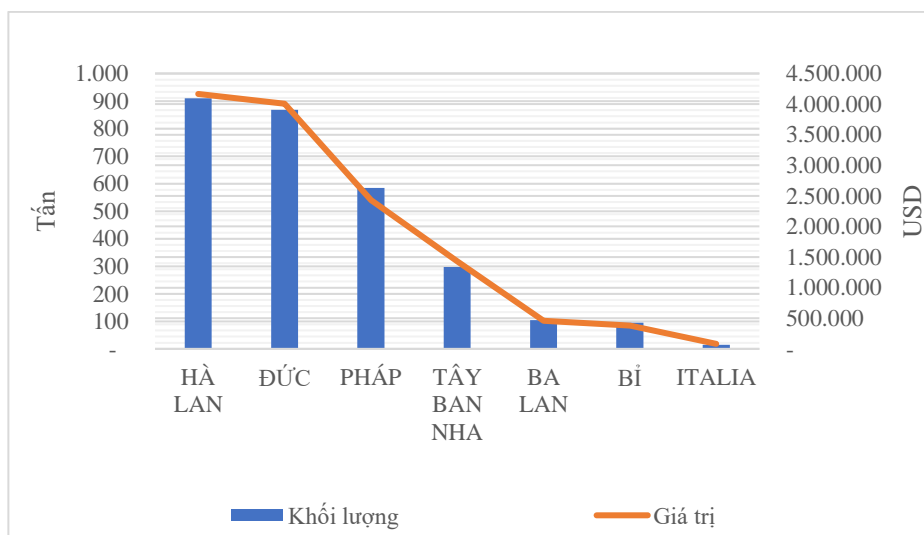
**Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

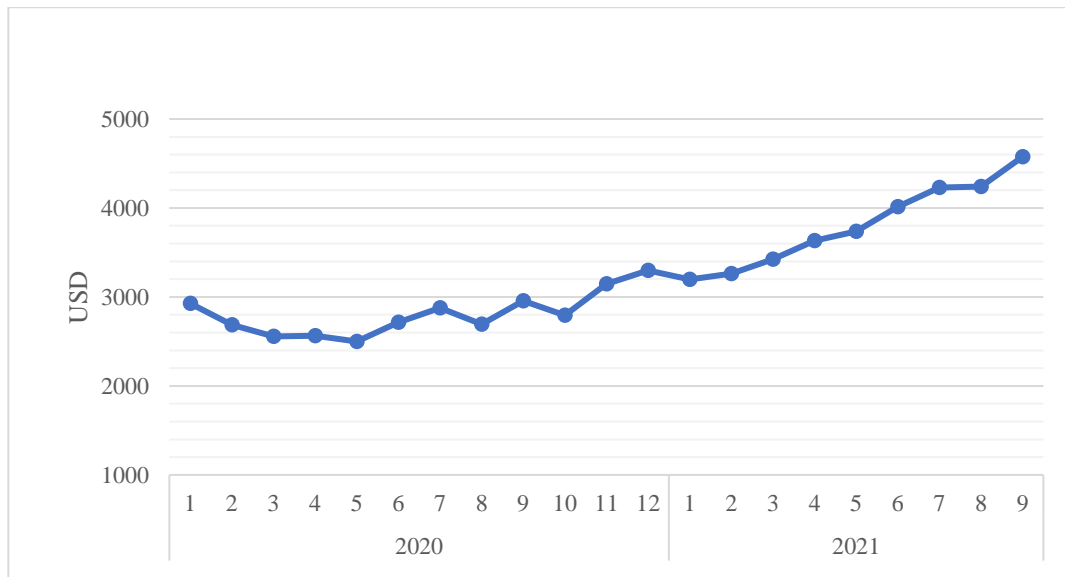
Hà Lan là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 9/2021 với 910 tấn (chiếm 31,66% tổng khối lượng xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU), đạt trị giá 4,16 triệu USD (chiếm 32,15% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU, giảm 21,7% so với tháng trước). Xếp thứ hai vẫn là Đức với khối lượng xuất khẩu đạt 896 tấn, tương đương với 4 triệu USD, chiếm 32,20% về khối lượng và 30,95% về giá trị.

**Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU đang có xu hướng tăng mạnh trở lại, giá xuất khẩu trung bình tháng 9/2021 đạt mức 4.576 usd/tấn, tăng 7,9% so với tháng 8/2021 và tăng 54,7% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

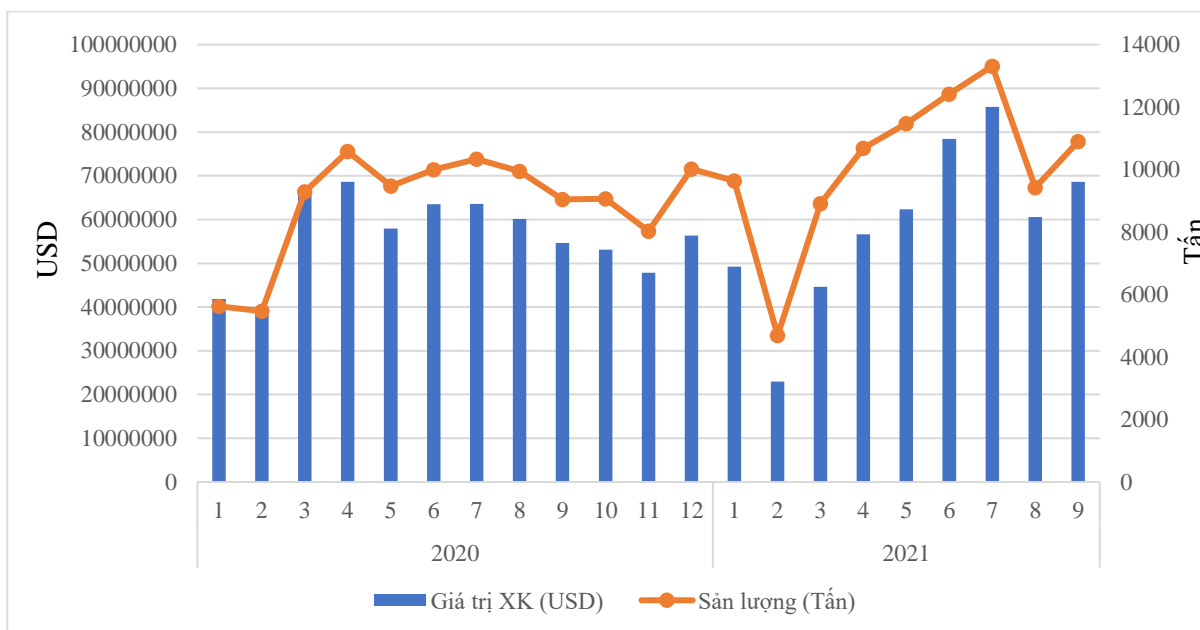
Trong tháng 9/2021, Công ty TNHH Olam Việt Nam chi nhánh Long Bình là công ty có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này, chiếm 27,7%; Công ty Cổ phần Phúc Sinh chiếm 18,35%, và Công ty Cổ phần Tập đoàn Trân Châu chiếm 13,86%.

## 5. HẠT ĐIỀU

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 7 tháng đầu năm 2021, Hà Lan nhập khẩu hạt điều đạt 35,4 nghìn tấn, trị giá 205,62 triệu EUR (tương đương 238,52 triệu USD), tăng 2,1% về lượng, nhưng giảm 9,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. 7 tháng đầu năm 2021, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hà Lan đạt mức 6.738 USD/tấn, giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hà Lan giảm từ tất các nguồn cung chính. 7 tháng đầu năm 2021, Hà Lan tăng nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, Bờ Biển Nga, nhưng giảm nhập khẩu từ Ấn Độ, Bra-xin.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 10,90 nghìn tấn điều, trị giá 68,6 triệu USD sang thị trường EU, tăng 25,7% về giá trị và 20,5% về khối lượng so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 529,2 triệu USD, tương ứng với 91,5 nghìn tấn, tăng 2,4 về giá trị và 14,6% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

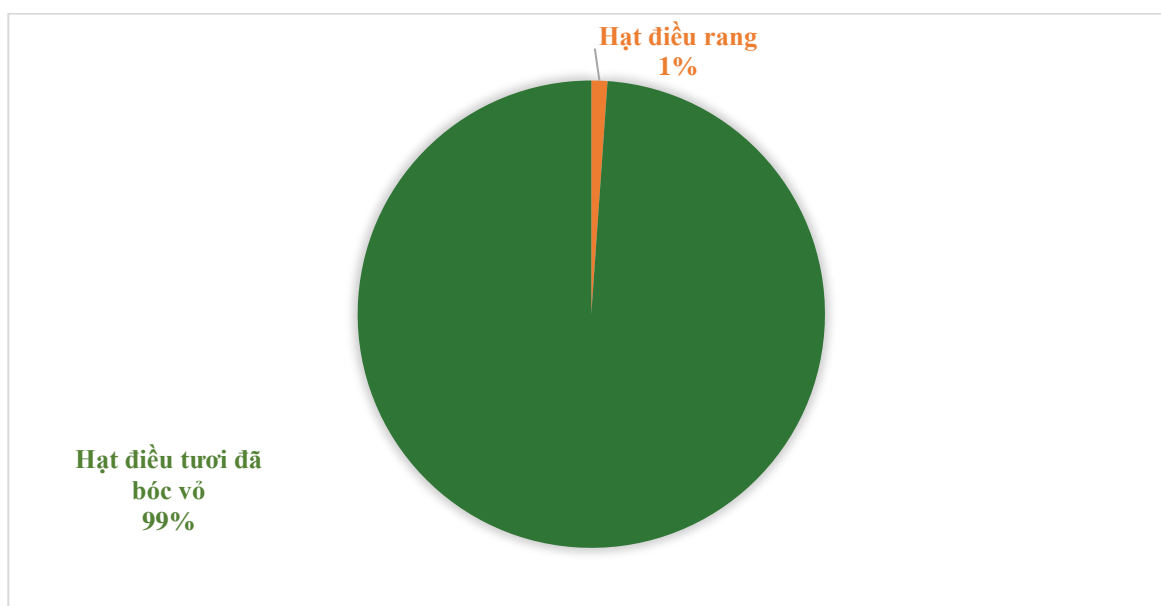
**Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Dịch Covid đang dần được kiểm soát tại Việt Nam, các doanh nghiệp đang dần trở lại trạng thái bình thường mới. Giá trị xuất khẩu sang thị trường EU đang lấy lại đà tăng trưởng sau tháng 8/2021 có xu hướng giảm mạnh. Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này chủ yếu là hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm tới 98,8%, đạt 67,8 triệu USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 17,6% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu hạt điều rang tháng này chỉ chiếm 1,2%, đạt 0,9 triệu USD, tăng 270,2% so với tháng 9/2020, nhưng giảm 10,9% so với tháng trước.

**Hình 15: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường EU tháng 9/2021**

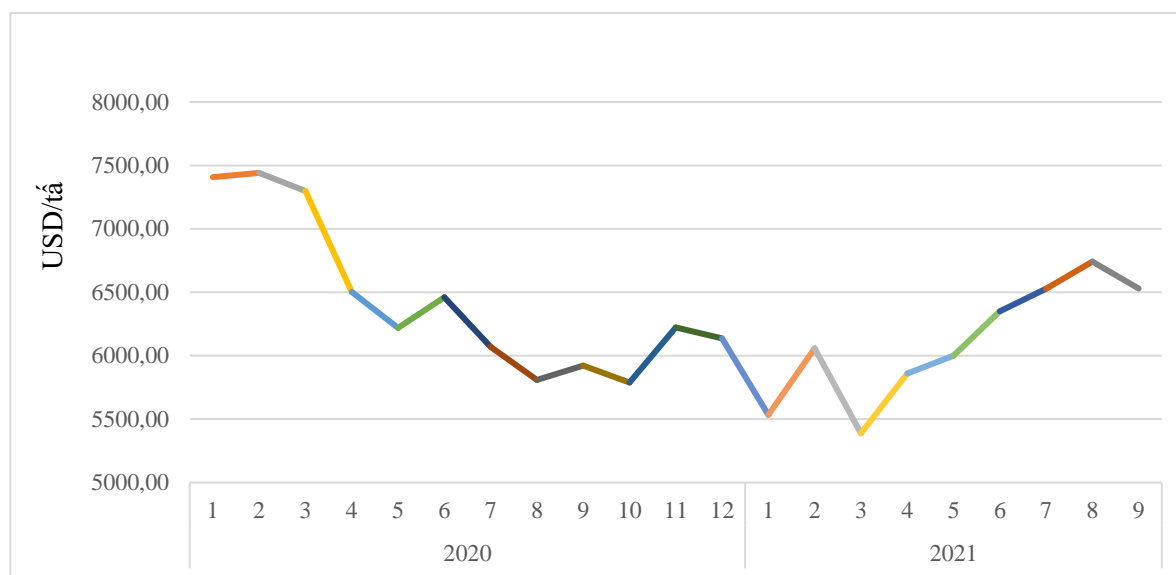




*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 9/2021, giá xuất khẩu điều sang thị trường này có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, đây là tháng thứ 5 giá xuất khẩu điều Việt Nam tăng đạt 6.529,9 USD/tấn, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước và giảm 3,1% so với tháng 8/2021.

**Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 9/2021 đạt trung bình là 6,6 USD/kg, giảm 1,8% so với tháng trước và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 9,1 USD/kg tăng lần lượt là 9% và 16,1% so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Tháng 9/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Olam Việt Nam tại Biên Hoà II chiếm 7,7%; Công ty TNHH Cao Phát chiếm 4,1%; Công ty TNHH và thương mại Phúc Vinh chiếm 4,1%.

## 6. THỦY SẢN

EU là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới, đạt 30,87 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2021, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU 7 tháng đầu năm 2021 ổn định so với cùng kỳ năm 2020 ở mức 1,8%

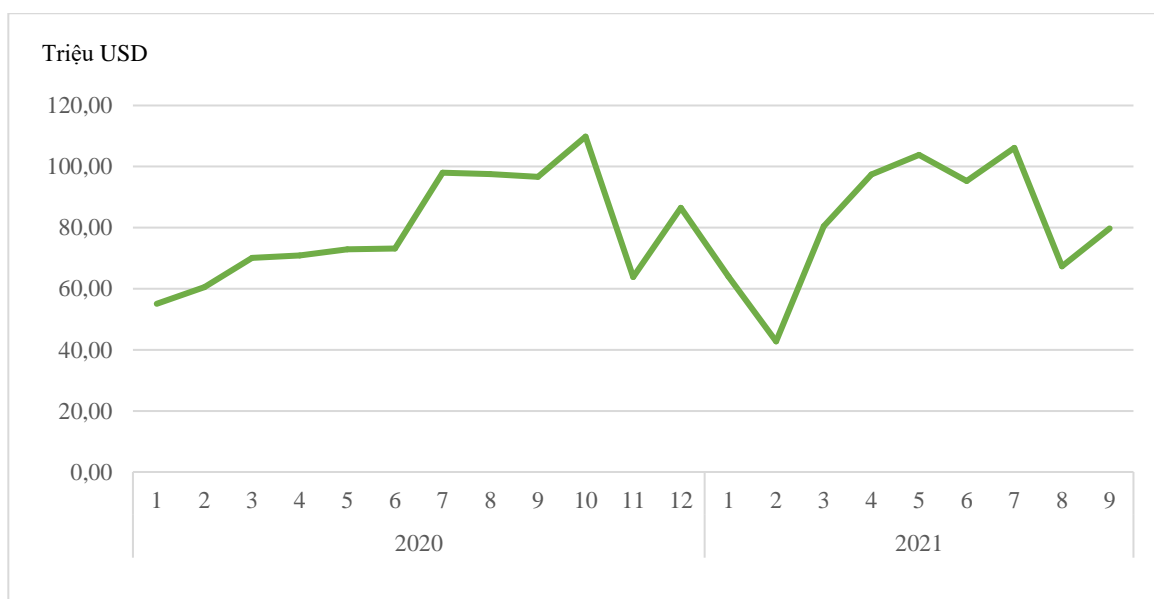
Tiêu thụ cá ngừ đóng hộp tại EU ở mức khoảng 1,53 kg/người/năm. Nếu tính toán dựa trên tổng lượng cá ngừ lưu thông trên thị trường thì Malta có lượng cá ngừ

đóng hộp bình quân theo đầu người cao nhất, tuy nhiên đây không phải mức tiêu thụ bình quân theo đầu người thực tế tại nước này. Trên thực tế, một lượng đáng kể cá ngừ đóng hộp được nhập khẩu vào Malta và được chuyển đến Bắc Phi. Tây Ban Nha có mức tiêu thụ cá ngừ đóng hộp bình quân là 2,9 kg/người/năm, cao thứ 2 trong khối; Bồ Đào Nha có mức tiêu thụ 2,85 kg/người/năm. Tiếp đến là Ý và Pháp, với mức tiêu thụ vào khoảng 2,47 kg/người/năm và 1,87 kg/người/năm.

Theo Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Đánh cá Ác-hen-ti-na, sản lượng tôm đò đánh bắt của nước này tháng 9/2021 đạt 21.485 tấn, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước. Từ ngày 1-6/10/2021, sản lượng tôm đánh bắt của nước này đạt khoảng 1.142 tấn, chỉ chiếm 5% tổng sản lượng cập bến trong tháng 10/2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 79,7 triệu USD, giảm 17,5% so cùng kỳ năm 2020, và tăng 18,4% so với tháng 8/2021. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đang có xu hướng tăng trưởng trở lại khi các tỉnh sản xuất thủy sản lớn của Việt Nam đang dần kiểm soát được dịch Covid và trở lại trạng thái bình thường mới, chuỗi cung ứng thủy sản đang dần hồi phục.

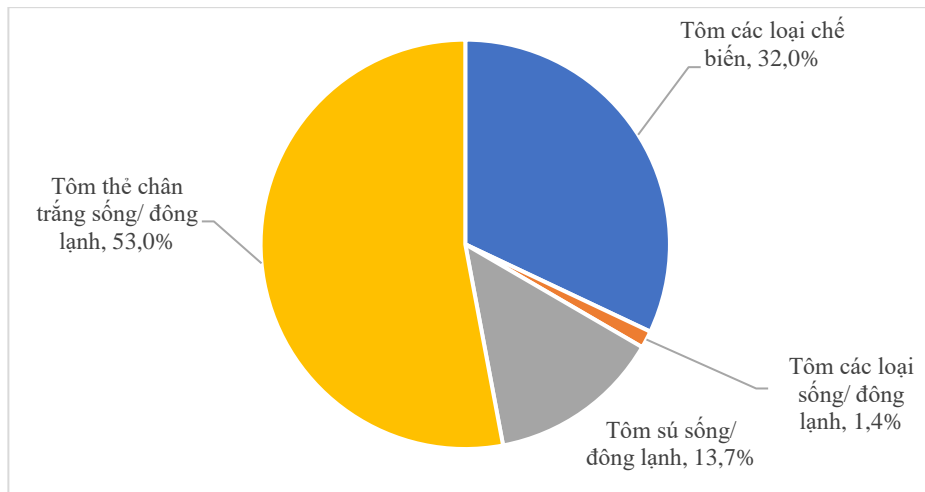
**Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 9/2021 đạt 48,7 triệu USD, chiếm 61,1% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu, giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng tăng 25,8% so với tháng 8/2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 25,8 triệu USD, giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,7 triệu USD, giảm 13,4%; tôm chế biến các loại đạt 15,6 triệu USD, giảm 34,9%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 6,7 triệu USD, tăng 8,7%.

**Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2021**

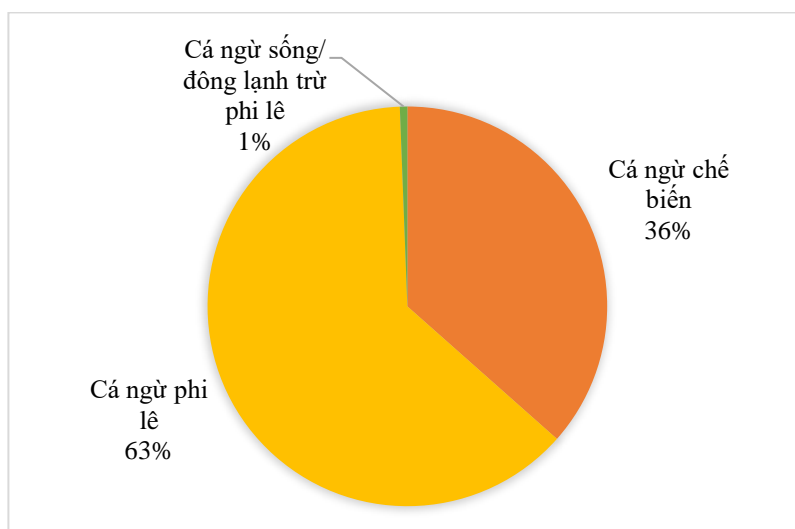


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tương tự sản phẩm tôm, giá trị cá ngừ xuất khẩu sang thị trường có xu hướng giảm so với năm 2020, đạt 10,5 triệu USD, giảm 21,8%, nhưng đang dần tăng trưởng trở lại, tăng 29% so với tháng 8/2021. Trong đó, cá ngừ phi lê đạt 6,6 triệu USD, tăng 63,4% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ chế biến đạt 3,8 triệu USD, giảm 59,1%.

Xuất khẩu cá ngừ sang cả 3 thị trường chính trong khối là Italy, Đức và Tây Ban Nha cũng đều sụt giảm trong tháng qua. Trong đó, XK sang Italy tiếp tục giảm sâu so với cùng kỳ. Hiện tại nhập khẩu cá ngừ của EU đang ở mức thấp, đặc biệt là nhập cá ngừ đóng hộp. Việc chi phí vận tải đường biển tăng và giá thép tăng cao đang khiến cho nhập khẩu cá ngừ đóng hộp của Mỹ và EU khó có thể tăng trở lại.

**Hình 19: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021 như sau: cá da trơn đạt 4,2 triệu USD, chiếm 5,3% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 49% so với tháng 9/2020; mực và bạch tuộc đạt 3,4 triệu USD, chiếm 4,3%, giảm 19,2%; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,3%, giảm 45,4%; cua-ghe đạt 0,4 triệu USD, chiếm 0,5%, giảm 64,3% và thủy sản khác đạt 12,2 triệu USD, chiếm 15,3%, giảm 17,5%.

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 9/2021 như sau: Tôm đạt 9,3/kg, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2020, và 0,6% so với tháng trước; cá da trơn đạt 2,2 USD/kg, tăng 15,5% so với tháng 9/2020 và giảm 4,2% so với tháng 8/2021.

**Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2021**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,2	15,5%	4,2%
2	Cá ngừ	9,3	29,7%	19,9%
3	Cá rô phi	2,0	-2,9%	5,4%
4	Mực và bạch tuộc	6,2	20,7%	1,6%
5	Tôm	9,3	15,3%	0,6%

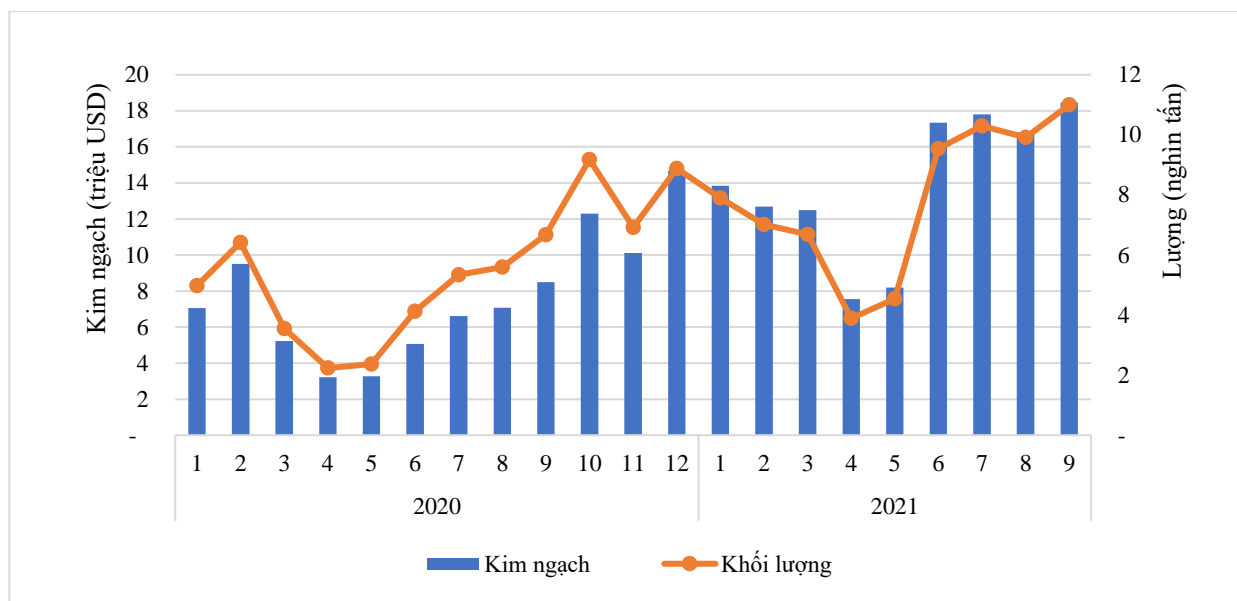
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 9 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty phần thủy sản và thương mại Thuận Phúc, chiếm 5,4% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau, chiếm 5,3%; Công ty TNHH cá ngừ Việt Nam chiếm 4,3%.

## 7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 11,0 nghìn tấn với trị giá 18,5 triệu USD, tăng 11,0% về khối lượng và 9,9% về giá trị so với tháng trước, và tăng 64,9% về khối lượng và 117,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

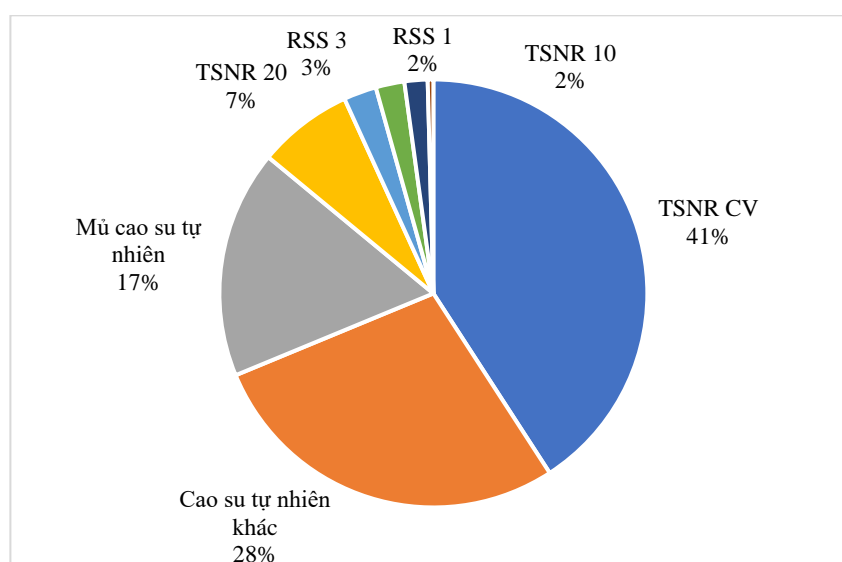
**Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 7,5 triệu USD, chiếm 40,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 3,1 triệu USD, chiếm 17,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và RSS 3, chiếm lần lượt 7,2% và 2,5% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

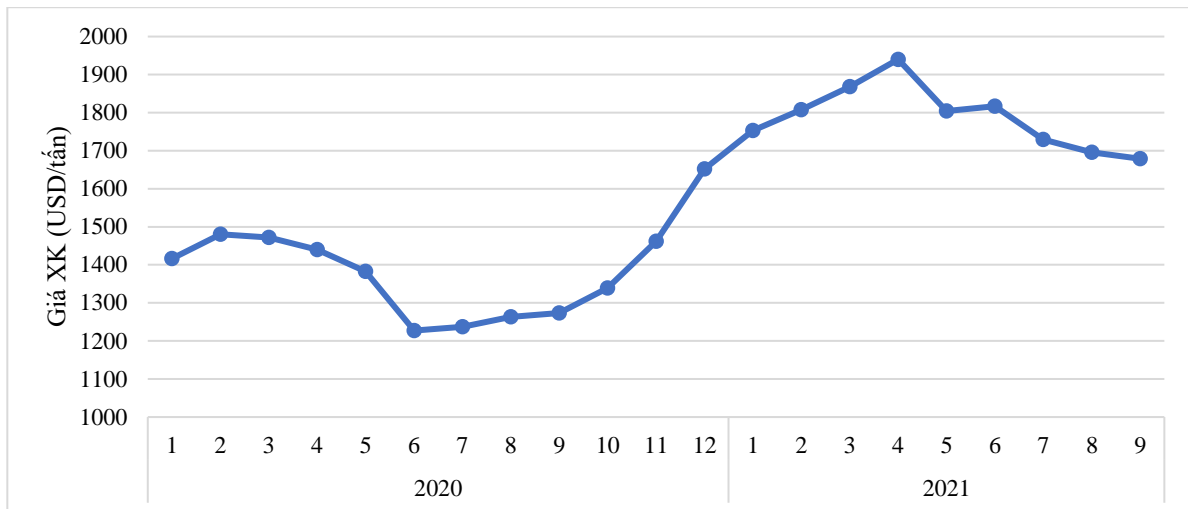
**Hình 21: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 9/2021**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU giảm nhẹ và đạt mức 1.679 USD/tấn trong tháng 9/2021, giảm 1,0% so với tháng trước nhưng tăng 31,9% so với cùng kỳ 2020.

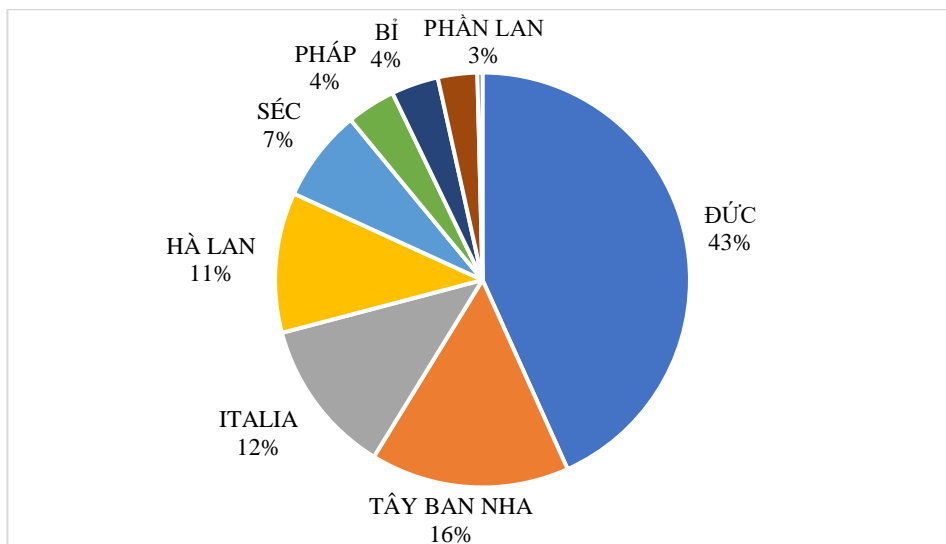
**Hình 22: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 8,0 triệu USD, chiếm 43,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Tây Ban Nha là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 2,9 triệu USD, chiếm 15,5%. Tiếp theo là Italia, Hà Lan và Séc chiếm lần lượt 12,1%, 10,9% và 7,2% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

**Hình 23: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

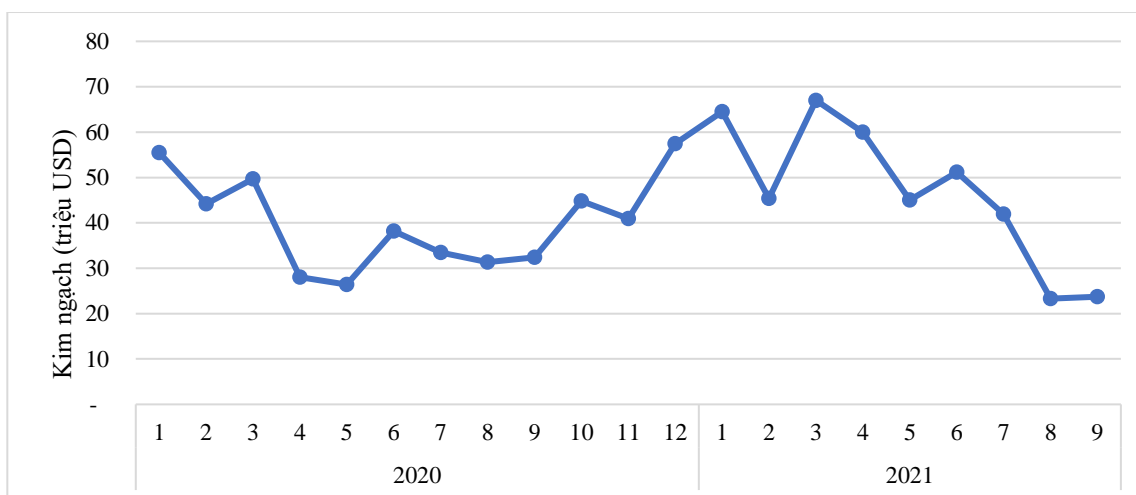
Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng và Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 18,0%, 9,6% và 9,5% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.



## 9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 23,7 triệu USD, tăng 1,7% so với tháng trước nhưng giảm 26,8% so với cùng kỳ 2020.

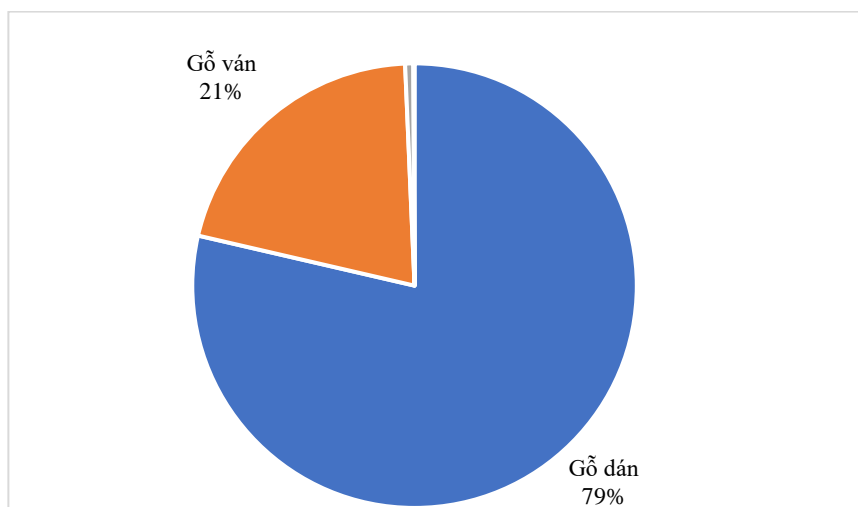
**Hình 24: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 9/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 1,3 triệu USD, chiếm 78,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ ván với kim ngạch 336,6 nghìn USD, chiếm 20,7% tổng giá trị xuất khẩu.

**Hình 25: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty Công ty CP TEKCOM, Công ty TNHH Vinawood và Công ty TNHH Gỗ Bảo Châu Việt Nam. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 62,7%, 20,7% và 8,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU.

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

## 1. Rau quả

Theo Văn phòng SPS Việt Nam, các đơn vị xuất khẩu sang thị trường EU cần lưu ý nắm chắc và tuân thủ nghiêm túc các quy định của thị trường nhập khẩu, đảm bảo không bị thu hồi, cảnh báo vi phạm. Cụ thể, đối với các sản phẩm rau quả, trái cây cần kiểm soát, quản lý và sử dụng đúng quy định về hoá chất bảo vệ thực vật, kiểm soát chặt chẽ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình sơ chế, đóng gói; tăng cường truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng trồng, v.v.

## 2. Cà phê

Tiêu thụ cà phê của Liên minh Châu Âu đã giảm 1,27% trong niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 so với niên vụ trước đó là 54,40 triệu bao. Khối tiêu dùng nhập khẩu cà phê tại EU đang hướng tới mùa rang xay chính của họ vào mùa đông. Hoạt động sản xuất tại nhiều quốc gia khu vực này hiện đang trong điều kiện hạn chế do ảnh hưởng của Covid-19. Tiêu thụ cà phê khu vực ngoài gia đình trong thời gian khả năng sẽ tăng do nới lỏng các hạn chế trước mùa lễ hội truyền thống tháng 12.

## 3. Hồ tiêu

Đại dịch Covid-19 tại EU và Việt Nam vẫn còn diễn biến khó lường và tình hình tiêm chủng tuy được thực hiện tương đối rộng khắp song khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng hồ tiêu từ Việt Nam sang EU trong 1-2 tháng tới vẫn chưa có tín hiệu khả quan. Giá xuất khẩu tuy đã có tín hiệu chững lại song giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU vẫn cao nhất trong các thị trường nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam, do đó dự báo trong 1-2 tháng tới, giá hồ tiêu có thể sẽ vẫn chững lại hoặc giảm nhẹ.

## 4. Thủy sản

Hiện các nước đang dần mở cửa trở lại, nhu cầu nhập khẩu tại các thị trường lớn như EU, những tháng cuối năm sẽ tăng cao. Các doanh nghiệp cũng sẽ phải chuẩn bị cho các lô hàng xuất khẩu vào đầu năm sau để đón đầu các ưu đãi thuế quan theo các hiệp định. Do vậy, rất cần ưu tiên và đẩy nhanh hơn nữa việc tiêm vắc xin cho công nhân, nhân viên ở các nhà máy chế biến, khu công nghiệp để chuỗi sản xuất không bị gián đoạn.

## PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 9/2021 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	81.237.516	-4,0%	22,9%	25,5%
2	Cao su	18.466.879	9,9%	117,5%	5,8%
3	Chè	87.633	-63,3%	-40,5%	0,03%
4	Gạo	3.377.601	36,3%	2,6%	1,1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	23.709.009	1,7%	-26,8%	7,4%
6	Hàng rau quả	12.292.894	-3,0%	-14,0%	3,9%
7	Hàng thủy sản	79.739.755	18,4%	-17,5%	25,0%
8	Hạt điều	68.648.258	13,3%	25,7%	21,5%
9	Hạt tiêu	12.958.827	1,1%	129,5%	4,1%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	12.443.622	10,2%	3,8%	3,9%
11	Sản phẩm từ cao su	5.799.344	-20,2%	-48,4%	1,8%
<b>Tổng 11 mặt hàng chính</b>		<b>318.761.337</b>	<b>-6,1%</b>	<b>-1,8%</b>	<b>100,0%</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 9/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 9/2020		Tháng 9/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	3.989	2.315.958	3.559	2.720.186	-10,8%	17,5%
2	Gạo trắng	581	273.423	410	265.025	-29,3%	-3,1%
3	Các loại gạo khác	1.257	703.114	478	392.390	-62,0%	-44,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 9/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 9/2020	Tháng 9/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T9.2021/T9.2020
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>14.292.005</b>	<b>12.292.894</b>	<b>-14,0%</b>
1	Chanh	5.357.717	3.022.828	-43,6%
2	Thanh long	652.556	1.170.938	79,4%
3	Xoài	174.241	987.811	466,9%
4	Dừa	564.950	848.419	50,2%
5	Dứa	482.033	791.545	64,2%
6	Gừng	247.895	425.020	71,5%
7	Khác	6.812.612	5.046.333	-25,9%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 9/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 9/2020	Tháng 9/2021	So sánh
	(USD)	(USD)	2021/20 (%)
Cá da trơn	4.226.454,65	8.321.020,56	-49,2%
Cá ngừ	10.504.059,25	13.437.532,88	-21,8%
Cá rô phi	261.370,70	478.662,25	-45,4%
Cua, ghe	398.055,75	1.114.668,51	-64,3%
Mực và bạch tuộc	3.424.055,38	4.237.808,81	-19,2%
Tôm	48.719.946,44	57.707.322,68	-15,6%
Thủy sản khác	12.205.813,11	11.333.149,92	7,7%
<b>Tổng</b>	<b>79.739.755,29</b>	<b>96.630.165,60</b>	<b>-17,5%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 9/2021**

Mặt hàng	T9/2020 (USD)	T9/2021 (USD)	So sánh T9/2020 và T9/2021	Tỷ trọng T9/2021
Chưa rang chưa khử cafein	59.557	73.642	23,65%	90,65%
Chưa rang đã khử cafein	833	3.692	343,18%	4,54%
Đã rang chưa khử cafein	55	72	31,03%	0,09%
Đã rang đã khử cafein	75	160	112,58%	0,20%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	5.587	3.598	-35,60%	4,43%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	8	73	810,44%	0,09%
<b>Tổng</b>	<b>66.117</b>	<b>81.238</b>	<b>22,87%</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*